

Số: **428** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **09** tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)
tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 1238/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Khung kế hoạch dân tộc thiểu số dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-BTNMT ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh kế hoạch tổng thể thực hiện, kế hoạch tổng thể phân nhiệm vụ do Trung ương thực hiện, Kế hoạch thực hiện năm 2019 và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2019 phân nhiệm vụ do Trung ương thực hiện Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”;

Căn cứ Quyết định số 1189/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, Kế hoạch năm 2020 và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2020 phân nhiệm vụ do Trung ương thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2260/TTr-STNMT ngày 26/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) tỉnh Quảng Ngãi.

(Kế hoạch và Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; các thành viên Ban Chỉ đạo Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Quản lý đất đai;
- BQL Dự án VILG cấp Trung ương;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (lnphong233)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

**“Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”
(VILG)**

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của
UBND tỉnh Quảng Ngãi)*



QUẢNG NGÃI, 2020

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CSDL	Cơ sở dữ liệu
DTTS	Dân tộc thiểu số
DTTSDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
MPLIS	Hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu
PTNT	Phát triển nông thôn
TCQLĐĐ	Tổng cục Quản lý đất đai
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
VILG	Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”
VPĐK	Văn phòng đăng ký đất đai



MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
MỤC LỤC	3
I. TỔNG QUAN DỰ ÁN	4
1.1. <i>Khái quát về Dự án</i>	4
1.2. <i>Nội dung dự án</i>	4
II. TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI.....	6
2.1. Phạm vi, khu vực DTTS sinh sống trong khu vực triển khai dự án:.....	6
2.2. Đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của DTTS trong vùng dự án	6
2.3. Đánh giá tác động khi triển khai thực hiện dự án.....	7
2.4. Khung chính sách và cơ sở pháp lý	10
III. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	15
3.1. Kết quả các phát hiện chính từ tham vấn về xã hội	15
3.2. Khung tham vấn và phương pháp tham vấn cộng đồng.....	15
IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG	16
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	25
VI. PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ	26
6.1. Công khai Kế hoạch DTTS	26
6.2. Đảm bảo sự tham gia Kế hoạch DTTS	26
VII. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	27
VIII. KINH PHÍ DỰ KIẾN	27
IX. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ	27
BẢNG 1: TIÊU CHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	29
PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	31
PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ/CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ	34

I. TỔNG QUAN DỰ ÁN

1.1. Khái quát về Dự án

Mục tiêu của Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (viết tắt VILG) là nhằm phát triển, vận hành một hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn thực hiện dự án thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, ở cả cấp quốc gia và các địa phương.

Mục tiêu cụ thể của dự án:

Phát triển và vận hành Hệ thống thông tin đất đai đa mục đích để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Phát triển, vận hành một hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp và người dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn thực hiện dự án thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai.

- Hoàn thiện và vận hành CSDL đất đai của địa phương (dữ liệu địa chính, dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dữ liệu giá đất, dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai) phục vụ công tác quản lý đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai, kết nối với Trung ương và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành có liên quan (thuế, công chứng, ngân hàng,...).

- Hoàn thiện việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai thông qua việc hiện đại hóa các VPĐK từ việc cải tiến quy trình, tiêu chuẩn dịch vụ tới việc trang bị thiết bị đầu - cuối của các VPĐK và đào tạo cán bộ.

- Nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với Dự án; đặc biệt là đối với công tác xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin đất đai; hệ thống theo dõi, đánh giá quản lý và sử dụng đất đai.

1.2. Nội dung dự án

Dự án sẽ bao gồm 3 hợp phần như sau:

• Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai

Hợp phần này sẽ hỗ trợ: (i) Hiện đại hóa và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai, (ii) Đào tạo, truyền thông và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số; (iii) Thiết lập và thực hiện Hệ thống theo dõi và đánh giá việc quản lý và sử dụng đất.

Hợp phần này sẽ hỗ trợ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai thông qua việc hoàn thiện quy trình và tiêu chuẩn dịch vụ, cải tạo cơ sở vật chất, nâng cao năng lực của các cán bộ VPĐK ở các huyện dự án. Hợp phần này sẽ hỗ trợ việc thống nhất các tiêu chuẩn nghiệp vụ và cơ sở vật chất của VPĐK và chi nhánh VPĐK, đồng thời tăng cường sự tham gia của người dân, khu vực tư nhân và các bên liên quan khác thông qua các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức. Các hoạt động của hợp phần này sẽ tạo điều kiện để triển khai các hoạt động kỹ thuật trong khuôn khổ Hợp phần 2 của dự án. Ngoài ra, Hợp phần này cũng sẽ giúp theo dõi việc thực hiện quản lý sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và dần dần đáp ứng các nhu cầu của nền kinh tế, xã hội trong hiện tại và trong tương lai về khả năng tiếp cận tốt hơn với các thông tin và dịch vụ thông tin đất đai.

- **Hợp phần 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và triển khai hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu (MPLIS)**

Hợp phần này hỗ trợ cho: (i) phát triển một mô hình hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; (thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm để quản trị và vận hành hệ thống cho cả nước; (ii) Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với 04 thành phần là: (i) thông tin địa chính; (ii) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (iii) giá đất và (iv) thống kê, kiểm kê đất đai; (iii) Phát triển Cổng thông tin đất đai, dịch vụ công điện tử trong lĩnh vực đất đai và chia sẻ, liên thông dữ liệu với các ngành, lĩnh vực khác dựa trên Khung kiến trúc chính phủ điện tử được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành nhằm tăng cường sự tham gia của người dân đối với hệ thống MPLIS

- **Hợp phần 3: Hỗ trợ quản lý dự án**

Hợp phần này sẽ: (i) hỗ trợ quản lý dự án, (ii) hỗ trợ theo dõi và đánh giá dự án.

- **Tên dự án:** “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, Tiếng Anh “Vietnam - Improved Land Governance and Database Project”, Tên viết tắt: VILG

- **Tên nhà tài trợ:** Ngân hàng Thế giới.

- **Cơ quan chủ quản đề xuất dự án:** Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **Cơ quan chủ quản tham gia dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- **Chủ dự án:**

+ Chủ dự án đề xuất dự án: Tổng cục Quản lý đất đai (TCQLĐĐ), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT).

+ Chủ dự án đối với địa bàn được đầu tư xây dựng CSDL đất đai: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2019 đến năm 2022.

- Địa điểm triển khai dự án: Dự kiến dự án sẽ được triển khai tại 11 huyện, thành phố của tỉnh Quảng Ngãi, gồm các huyện, thành phố: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi.

II. TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI

PPMU sẽ tiến hành một đánh giá xã hội để thu thập dữ liệu và thông tin về các cộng đồng dân tộc thiểu số trong khu vực dự án.

2.1. Phạm vi, khu vực DTTS sinh sống trong khu vực triển khai dự án

Các huyện có người dân tộc thiểu số sinh sống tại tỉnh Quảng Ngãi như bảng dưới đây:

Huyện	Nhóm người dân tộc 1		Nhóm người dân tộc 2		Nhóm người dân tộc 3		Nhóm người dân tộc ít người khác	
	Tên	Số lượng	Tên	Số lượng	Tên	Số lượng	Tên	Số lượng
Trà Bồng	Ca dong	8	Hre	534	Cor	15.533	Khác	171
Ba Tơ	Ca dong	9	Hre	37.656	Cor	15	Khác	20
Minh long	Ca dong	-	Hre	13.791	Cor	-	Khác	-
Nghĩa Hành	Ca dong	-	Hre	978	Cor	-	Khác	-
Tư Nghĩa	Ca dong	-	Hre	2.135	Cor	-	Khác	-
Tổng cộng	Cadong	17	HRe	55.094	Cor	15.548	Khác	191

Ngoài ra, ở các huyện Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi có một số ít dân tộc thiểu số sinh sống, nhưng số lượng không đáng kể và cũng không hình thành phong tục tập quán riêng.

2.2. Đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của DTTS trong vùng dự án

Tính đến nay toàn tỉnh Quảng Ngãi có hơn 1,3 triệu dân; trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh chiếm khoảng 88% tổng dân số; tiếp theo là dân tộc Hrê chiếm 8,6%; dân tộc Cor chiếm 2,1%; dân tộc CaDong chiếm 1,2%; dân tộc khác chiếm 0,1%.

Đồng bào DTTS sinh sống chủ yếu ở 06 huyện miền núi: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Tây Trà và một số xã miền núi thuộc huyện đồng bằng như: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành. Riêng trong vùng dự án DTTS tập trung chủ yếu ở 03 huyện, gồm: Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng, xã Nghĩa Thọ thuộc huyện Tư Nghĩa; 02 xã Hành Tín Đông và Hành Tín Tây thuộc huyện Nghĩa Hành.

Trong các cuộc kháng chiến cho đến nay, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều đóng góp chống giặc ngoại xâm và phát triển kinh tế, xã hội hôm nay.

Đặc thù riêng của từng dân tộc thiểu số như sau:

a) Dân tộc Hrê:

Hrê là tộc người có số dân đứng thứ hai trong tỉnh Quảng Ngãi sau dân tộc Kinh. Tính đến năm 2016, dân số Hrê ở Quảng Ngãi có khoảng 113.443 người, chiếm 8,6% tổng dân số của tỉnh. Dân tộc Hrê cư trú ở các huyện Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây, Nghĩa Hành và Tư Nghĩa (trong các huyện thực hiện Dự án thì chủ yếu tập trung ở huyện Sơn Hà). Tuy địa bàn cư trú phân bố rộng như vậy nhưng dân tộc Hrê cư trú tập trung ở các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Người Hrê sống đan xen với người Kinh ở vùng tây các huyện Nghĩa Hành, Tư Nghĩa. Các làng Hrê đan xen với người Ca Dong ở địa bàn phía đông huyện Sơn Tây và sống đan xen với người Cor ở các xã phía Nam của huyện Trà Bồng.

Người Hrê định cư thành từng làng với quy mô lớn nhỏ khác nhau. Làng Hrê được xây dựng tập trung chủ yếu ven triền đồi. Địa bàn cư trú nằm kề sát khu vực đất đai canh tác và gần nguồn nước. Trước đây, mỗi khi có dịch bệnh Đồng bào di chuyển làng đi nơi khác. Nhà sàn Hrê nằm bố trí lớp lớp từ thấp lên cao, dựng ngang triền đồi, nằm gọn trên khoảnh đất cao ráo, thoáng đãng.

Trong xã hội truyền thống của người Hrê, mỗi làng đều có chủ làng (*krăng plây*), là người lớn tuổi am hiểu nhiều, có kinh nghiệm, uy tín, gia đình thuộc loại giàu có trong làng. Tuy nhiên, hiện nay đã hình thành các thôn, khu dân cư; Thôn trưởng được người dân trong thôn bầu và có trách nhiệm nắm bắt các thông tin liên quan, các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước để truyền bá lại cho người dân trong thôn, nhiệm vụ của Trưởng thôn gần giống các Già làng trước đây.

Nhìn chung, xã hội Hrê vẫn mang tính cộng đồng nhất, đoàn kết gắn bó giữa các thành viên. Điều này thể hiện ở các hình thức vắn đối công, tương trợ,

tục chia sẻ trong ăn uống lễ tết, sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau. Sự liên kết giữa các gia đình cũng như sự gắn bó của mỗi thành viên với làng dựa trên quan hệ thân tộc hoặc quan hệ láng giềng.

Nguồn kinh tế đem lại thu nhập quan trọng nhất trong đời sống của người Hrê là nông nghiệp trồng lúa. Nguồn thu nhập từ rẫy chiếm vị trí thứ hai sau thu nhập hoa lợi ruộng nước và cũng đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống của người Hrê, đặc biệt là trong những năm gần đây giá trị kinh tế từ cây lâm nghiệp cao đã thúc đẩy đồng bào sử dụng đất lâm nghiệp. Trong việc trồng lúa, người dân làm chòi rẫy để giữ lúa, đề nghị nơi, tránh nắng mưa khi đang mùa sản xuất và chứa tạm sản phẩm thu hoạch trong lúc chưa kịp chuyển về làng. Rẫy canh tác theo lối luân canh, mỗi đám rẫy chỉ canh tác một vụ rồi trồng thứ khác hoặc bỏ hoang từ 3-5 năm, đợi chòi cây lên mới canh tác tiếp, rồi lại bỏ hoang hóa...

b) Dân tộc Cor:

Dân tộc Cor là dân tộc có số dân đông thứ ba trong tỉnh Quảng Ngãi, với số lượng khoảng 27.189 người, chiếm 2,1% dân số của tỉnh và là dân tộc có số dân đông thứ hai trong các dân tộc thiểu số, sau dân tộc Hrê.

Địa bàn cư trú của dân tộc Cor ở các huyện Trà Bồng, Tây Trà của tỉnh Quảng Ngãi có một số ít sống rải rác ở huyện Sơn Hà và Ba Tơ (trong các huyện thực hiện Dự án tập trung chủ yếu ở Tây Trà). Đồng bào có ý thức tự giác tộc người cao, có ý bản địa và tự hào về truyền thống của tổ tiên.

Trước đây đơn vị cư trú của người Cor là làng (*plây*). Plây bao gồm phần thổ cư của làng và tất cả các loại đất đai sản xuất hay không sản xuất, rừng núi, suối sông trong một phạm vi được xác định. Ranh giới của làng được truyền khẩu qua nhiều thế hệ, có khi là dòng sông suối hay gốc cây, tảng đá, đỉnh núi, con đường mòn... Tùy thuộc chu kỳ quay vòng canh tác rẫy, đồng bào phải di chuyển chỗ ở, nhưng chỉ chuyển quanh trong khu vực đã xác định của làng mình; nhờ các chương trình đầu tư của nhà nước, và các chính sách tuyên truyền pháp luật về đất đai, hiện tượng du cư hiện nay không còn, chỉ còn một số ít người đồng bào vẫn còn du canh.

Nội bộ làng Cor bao gồm các quan hệ láng giềng và quan hệ thân tộc cùng tồn tại và chi phối đời sống con người. Người trong làng, phần đông là họ hàng, dẫu rẽ xa gần, quan hệ chằng chéo với nhau. Hình thái gia đình nhỏ của người Cor phát triển phổ biến, bên cạnh đó còn một ít tàn dư gia đình lớn. Trước đây, hàng chục gia đình cùng dòng họ, hoặc thân thiết, chung sức làm thành một nhà sàn dài trên sườn đồi, bên suối nước, gần nương rẫy. Mỗi nhà sàn gọi là một *nóc*, mang tên người đứng đầu *nóc*. Mỗi *nóc* chia thành nhiều cửa, mỗi cửa là một bếp, mỗi bếp là một nơi cư trú của một gia đình.

Đặc trưng sinh hoạt kinh tế của người Cor là lấy kinh tế nương gẫy làm nguồn thu nhập chính. Đồng bào có nhiều giống lúa rẫy. Lúa rẫy gieo trồng vào

tháng 5, thu hoạch vào tháng 10. Bắp và mì cũng được trồng trên rẫy. Vùng canh tác của người Cor có độ dốc khá lớn, bị xói mòn nhanh do mưa lũ nên người Cor chỉ gieo trồng một vụ đã phải bỏ hoá một vài năm. Đồng bào quay vòng canh tác luân khoảnh trên diện tích khác.

c) Dân tộc Ca Dong:

Ca Dong là tộc người có số dân đứng thứ tư trong tỉnh Quảng Ngãi, với 16.018 người, chiếm 1,2% dân số toàn tỉnh.

Địa bàn cư trú chủ yếu của tộc người Ca Dong phân bố ở huyện Sơn Tây, một số ít sống tại đại bản huyện Tây Trà và Sơn Hà.

Kinh tế truyền thống của tộc người Ca Dong chủ yếu là nông nghiệp rẫy. Nông nghiệp rẫy canh tác theo kiểu luân canh luân khoảnh, tức khai phá theo chu kỳ kín, trồng trọt vụ đầu tiên, sau có thể sử dụng tiếp đến vụ hai, vụ ba, rồi bỏ hoang hóa khoảng 3-7 năm mới canh tác lại. Người Ca Dong không phát rẫy ở gần ngọn nước, đây là điều nghiêm cấm để bảo vệ nguồn nước của làng. Diện tích đất của người Ca Dong thường tính theo Gùi giống. Rẫy được chăm sóc, làm cỏ và chông thú rừng, chim chóc bằng cách rào rẫy, săn bắn, dùng bẫy, chông, nỏ, bùa nhin, đàn nước...

Trong thời gian gần đây, chính quyền địa phương đã vận động người Ca Dong chuyển dần tập quán canh tác sang làm ruộng nước. Nhờ khai phá, diện tích ruộng nước dần tăng lên. Người Ca Dong hiện nay đã làm ruộng nước thuần thực, đã được chính quyền giúp đắp đập ngăn nước chảy vào các con mương để đưa nước vào ruộng. Những thửa ruộng bậc thang nói chung không rộng lắm do địa thế đất trong vùng rất hẹp. Công cụ làm ruộng có cuốc, cày, bừa. Chăm sóc lúa đã dùng phân bón và thuốc trừ sâu. Ruộng cấy hai vụ thu hoạch năng suất tương đối khá.

Bên cạnh rẫy và ruộng, người Ca Dong còn có vườn. Vườn ở đây chiếm một vị trí khá quan trọng, nhất là việc trồng cau, thu trái bán đi các nơi trong và ngoài tỉnh. Trong kinh tế sản xuất của đồng bào Ca Dong, chăn nuôi đóng vai trò quan trọng; người dân nuôi trâu, dê, heo, gà... số lượng có khi lên đến hàng đàn đông đúc. Chăn nuôi chủ yếu theo cách thả rông.

Ngoài kinh tế sản xuất nông nghiệp, người Ca Dong còn khai thác lâm thổ sản, thủy sản, các ngành kinh tế này đóng vai trò quan trọng, góp phần thoả mãn nhu cầu lương thực và thực phẩm của đồng bào.

Đơn vị cư trú cơ bản của tộc người Ca Dong là *plây* (làng) hay *plây pla* (làng xóm). Lớn hơn đơn vị làng xóm gọi là *gung* (vùng), gồm nhiều làng hợp lại. Khái niệm *plây* hoàn chỉnh bao hàm mỗi làng có một ranh giới (*bola*) nhất định, ranh giới đó có thể là những khu rừng vô chủ. Mỗi một *plây* bao gồm

một khu dân cư tập trung với những nóc nhà (*nhe*) gắn với những kho thóc của các hộ gia đình.

Làng Ca Dong là một cộng đồng bền chặt trên cơ sở tập quán truyền miệng từ đời này qua đời khác. Đó là một cộng đồng mà mọi thành viên đều một lòng một dạ mong muốn cho làng của mình ngày càng lớn nhanh.

Tóm lại: Trước đây tập quán sử dụng đất của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu sử dụng đất theo hình thức du canh, du cư. Việc du cư xảy ra mỗi khi trong làng có dịch bệnh hay có người chết; còn việc du canh xảy ra thường xuyên, nhưng thường ở xung quanh khu vực của từng làng; mỗi thửa đất canh tác chỉ được một hoặc 2 vụ là bỏ hoang khoảng 3-5 năm chuyển đi nơi khác khai phá và canh tác tiếp. Do đó, người đồng bào dân tộc thiểu số cũng không quan tâm nhiều đến việc kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong thời gian gần đây, nhà nước đã đầu tư nhiều chương trình để giúp các huyện miền núi, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, cuộc sống của người dân đã giảm bớt khó khăn và vươn lên làm giàu, kiến thức của người dân phát triển hơn. Vì vậy, trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi không còn xảy ra việc du cư; vấn đề du canh thì vẫn còn nhưng không đáng kể. Hiện nay, người dân tộc thiểu số cũng đã quan tâm hơn trong việc kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhất là từ khi giá trị các loại cây trồng, đặc biệt là cây keo có giá trị kinh tế cao và một số dự án đầu tư tại các huyện miền núi khi Nhà nước thu hồi đất thì thủ tục bồi thường cho người có giấy chứng nhận được thuận tiện hơn người chưa có giấy chứng nhận; hơn nữa, người dân cũng cần có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn tại các ngân hàng nhằm đầu tư cây, con giống phục vụ sản xuất nông nghiệp. Từ đó, người dân tộc thiểu số quan tâm nhiều hơn trong việc kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và đến thời điểm hiện nay phần lớn (có khoảng hơn 95% hộ dân) người dân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Riêng về ngôn ngữ thì hiện nay hầu hết dân tộc thiểu số tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi đều nghe và nói được tiếng Việt, tuy nhiên vẫn còn một số ít người, chủ yếu là những người lớn hơn 65 tuổi trở lên (mà không phải là đối tượng già làng, trưởng bản) là không biết đọc, viết tiếng Việt.

2.3. Đánh giá tác động khi triển khai thực hiện dự án

Các tác động tích cực

Qua các phương pháp điều tra, phân tích và phỏng vấn, tham vấn người dân, nhìn chung, việc triển khai thực hiện dự án được cho rằng sẽ đem lại nhiều tác động tích cực đối với cộng đồng dân cư trong vùng dự án, trong đó có lợi ích của cộng đồng DTTS, cụ thể như sau:

- ***Giảm thời gian hành chính và tăng hiệu quả cho người sử dụng đất:*** việc thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng internet sẽ tăng

cường tính minh bạch về thông tin trong việc kê khai, thực hiện các thủ tục của người dân, tiết kiệm thời gian và tính hiệu quả trong việc tiếp cận với các cơ quan và công chức nhà nước. Dựa vào các hoạt động cải cách hành chính, chi phí đi lại và giấy tờ, cùng với các vấn đề về quan liêu và sự phiền nhiễu sẽ được giảm thiểu.

- **Cải thiện môi trường kinh doanh:** với sự minh bạch về thông tin đất đai và việc tra cứu thông tin một cách thuận tiện, nhà đầu tư có thể thu được các thông tin mà họ cần để phục vụ cho lô đất mà họ nhắm tới (tình trạng của lô đất, yêu cầu và các thủ tục của hợp đồng mà không cần phải đến vị trí lô đất).

- **Cải thiện thủ tục hành chính cho các dịch vụ công cộng và người sử dụng đất hộ gia đình:** Dựa vào việc chia sẻ về thông tin đất đai giữa các dịch vụ công liên quan, như phòng công chứng, cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan thuế cho thấy sự cải thiện đáng kể trong đây nhanh sự phối hợp trong giải quyết cho người sử dụng đất. Đặc biệt, sự liên kết giữa các phòng công chứng với nhau sẽ tránh được việc sự chông chéo trong dịch vụ công chứng như là công chứng viên có thể kiểm tra được lô đất đó có được công chứng tại một nơi khác hay không trước khi họ tiến hành các dịch vụ công chứng. Điều này cũng sẽ dẫn đến việc giảm chi phí của quá trình kiểm tra và xác minh hồ sơ vì hồ sơ đó đã có sẵn trên hệ thống MPLIS. Những đối tượng sử dụng là hộ gia đình, cá nhân có thể hưởng lợi từ việc liên kết giữa các phòng công chứng vì có thể giảm thiểu rủi ro và chi phí liên quan. Họ có thể kiểm tra về việc lô đất của họ có nằm trong khu vực dự án, hay quy hoạch cho vùng phát triển mới hoặc trong một cuộc tranh chấp nào đó. Điều này sẽ làm giảm tối thiểu các rủi ro trong giao dịch về đất.

Tác động tiêu cực

Dự án sẽ đặt trọng tâm vào việc cải thiện khung pháp lý, xây dựng và điều hành MPLIS trên cơ sở dữ liệu về đất đai hiện có để quản lý đất đai tốt hơn và phát triển kinh tế - xã hội. Dự án không đề xuất xây dựng bất kỳ công trình dân dụng nào, do đó sẽ không có thu hồi đất. Sẽ không có bất kỳ tác động nào gây ra hạn chế cho việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên và ngược lại, do đó, tác động tiêu cực khi triển khai dự án hầu như không có. Tuy nhiên, sẽ phát sinh các vấn đề thực tiễn cần giải quyết khi các thông tin liên quan đến người sử dụng đất rõ ràng, cụ thể và minh bạch hơn như: tranh chấp đất đai; quyền và lợi ích hợp pháp của từng chủ thể sử dụng đất khi có sự so sánh... Việc giải quyết những tác động tiêu cực sẽ được thể hiện trong các hoạt động cụ thể tại bản Kế hoạch này để đảm bảo việc tổ chức thực hiện.

2.4. Khung chính sách và cơ sở pháp lý

2.4.1. Quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam đối với các nhóm dân tộc thiểu số

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc luôn có vị trí chiến lược quan trọng. Tất cả người dân tộc ở Việt Nam đều có đầy đủ quyền công dân và được bảo vệ bằng các điều khoản công bằng theo Hiến pháp và pháp luật. Chủ trương, chính sách cơ bản đó là "Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển", trong đó vấn đề ưu tiên là "đảm bảo phát triển bền vững vùng DTTS và miền núi".

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã ghi nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam (Điều 5) như sau:

"1. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các DTTS phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước."

Hiến pháp sửa đổi qua các năm từ 1946, 1959, 1980, 1992 và đến năm 2013 đều quy định rõ "Tất cả các dân tộc là bình đẳng, thống nhất, tôn trọng và giúp đỡ nhau để cùng phát triển; tất cả các hành vi phân biệt đối xử, phân biệt dân tộc; DTTS có quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết, duy trì bản sắc của dân tộc, và duy trì phong tục, nguyên tắc và truyền thống của họ. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện thuận lợi cho người DTTS phát huy sức mạnh nội lực để bắt kịp với sự phát triển của quốc gia".

Các vấn đề về đất đai là bản chất chính trị và có thể gây tác động tới sự phát triển kinh tế - xã hội của rất nhiều quốc gia, đặc biệt là những nước đang phát triển. Chính sách đất đai có tác động rất lớn đối với sự phát triển bền vững và cơ hội về phát triển kinh tế - xã hội cho mọi người cả ở khu vực nông thôn và thành thị, đặc biệt là những người nghèo.

Tại Điều 53, Hiến pháp và Điều 4, Luật đất đai 2013 đã nêu rõ về vấn đề sở hữu đất như sau: "Đất đai thuộc sở hữu của toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này". Theo quy định này thì đất đai là thuộc sở hữu của toàn dân, nhà nước đóng vai trò là đại diện chủ sở hữu để quản lý và Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng đất (người sử dụng

đất) với các hình thức giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất theo các quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 27, Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước có chính sách về đất ở, đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào DTTS phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng; có chính sách tạo điều kiện cho đồng bào DTTS trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở nông thôn có đất để sản xuất nông nghiệp.

Điều 28, Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước có trách nhiệm xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất đai và bảo đảm quyền tiếp cận của tổ chức, cá nhân đối với hệ thống thông tin đất đai; thực hiện công bố kịp thời, công khai thông tin cho các tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong quản lý, sử dụng đất đai có trách nhiệm tạo điều kiện, cung cấp thông tin về đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 43, Luật đất đai 2013 về “Lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” quy định: Cơ quan nhà nước lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất như được quy định tại khoản 1 và 2 của điều 42 của Luật này sẽ có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất”. Việc lấy ý kiến của người dân sẽ được diễn ra thông qua công khai thông tin về nội dung của quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, qua các hội nghị và tham vấn trực tiếp.

Điều 110, Luật Đất đai năm 2013 quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân là DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo; sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số.

Theo quy định của Luật Đất đai, cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự có cùng phong tục, tập quán hoặc có chung dòng họ. Cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất nông nghiệp quy định tại Khoản 3, Điều 131, Luật Đất đai và đất đó không có tranh chấp, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Điều 100) và được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất để bảo tồn bản sắc dân tộc gắn với phong tục, tập quán của các dân tộc (Điều 131), đồng thời việc giao đất, cho thuê đất phải ưu tiên hộ gia đình, cá nhân là DTTS không có đất hoặc thiếu đất sản xuất ở địa phương (Điều 133).

Nhà nước yêu cầu áp dụng chính sách kinh tế - xã hội cho từng vùng và từng dân tộc, có tính đến nhu cầu cụ thể của các nhóm DTTS. Kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam chú trọng tới DTTS. Một vài chương trình chính của DTTS, như Chương trình 135 (xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu vực nghèo, vùng xa và sâu) và Chương trình 134 (xóa nhà tạm).

2.4.2. Sự thống nhất với chính sách hoạt động của Ngân hàng thế giới về người bản địa

Chính sách hoạt động 4.10 (cập nhật năm 2013) của Ngân hàng Thế giới (WB) yêu cầu Bên đi vay thực hiện một quá trình tham vấn tự do, được thông báo trước và được thực hiện trước khi tiến hành dự án với người dân bản địa khi người dân bản địa bị ảnh hưởng bởi dự án. Mục đích của việc tham vấn này là nhằm tránh hoặc giảm đến mức tối thiểu những tác động xấu của dự án đến người DTTS và để đảm bảo các hoạt động của dự án phù hợp với văn hóa và phong tục của địa phương. Khuyến khích việc ra quyết định của địa phương và sự tham gia của cộng đồng trong khuôn khổ quy định pháp luật của Việt Nam về phân cấp và về đất đai phù hợp với chính sách của Ngân hàng thế giới.

Chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới chỉ rõ người dân bản địa là nhóm (a) tự xác định là những thành viên của nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và điều đó được những nhóm khác công nhận; (b) cùng chung môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý hoặc cùng lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án và cùng chung nguồn tài nguyên thiên nhiên trong những môi trường và lãnh thổ này; (c) thể chế về văn hóa theo phong tục tập quán riêng biệt so với xã hội và văn hóa chủ đạo; và (d) một ngôn ngữ bản địa, thường là khác với ngôn ngữ chính thức của đất nước hoặc của vùng.

Trong phạm vi triển khai dự án VILG, các nhóm dân tộc thiểu số tại các địa bàn triển khai dự án có khả năng nhận được lợi ích lâu dài từ việc được truyền thông để nhận thức được các quy định của pháp luật cho đến việc được tiếp cận với các thông tin đất đai và các dịch vụ đất đai. Việc xây dựng kế hoạch phát triển DTTS (DTTSDP) là hành động để giảm thiểu các tác động tiềm tàng có thể xảy ra trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án. Đảm bảo công cuộc giảm nghèo và phát triển bền vững, đồng thời, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số.

III. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

3.1. Đánh giá kết quả tham vấn các bên liên quan

Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các huyện miền núi trong khu vực dự án tổ chức tham vấn người đồng bào DTTS. Qua kết quả tham vấn hầu hết người dân mong muốn được đo đạc thửa đất của mình đang sử dụng được chính xác, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Nhà nước đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ. Tuy nhiên, kết quả tham vấn cũng cho thấy trình độ của người DTTS còn nhiều hạn chế, phần lớn chưa tiếp cận được với các văn bản quy phạm pháp luật, chưa nhận thức được tầm quan trọng trong việc sử dụng đất của mình và việc thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai đối với thửa đất của mình đang sử dụng và hầu hết những người được tham vấn chưa hiểu được các khái niệm liên quan đến dữ liệu cũng như các phần mềm liên quan đến dữ liệu đất đai.

Riêng đối với các doanh nghiệp sử dụng đất thì mong muốn được công khai, minh bạch về thực trạng, quy hoạch đất đai và yêu cầu dữ liệu đất đai cần thể hiện đầy đủ các vấn đề liên quan đến thực trạng và định hướng của Nhà nước trên từng thửa đất để các doanh nghiệp nắm bắt; đồng thời cũng mong muốn Nhà nước xem xét tạo điều kiện để thuận lợi nhất cho các hoạt động của doanh nghiệp.

3.2. Khung tham vấn và phương pháp tham vấn cộng đồng

PPMU sẽ thiết lập một khung tham vấn bao gồm các vấn đề về giới và liên thể hệ để cung cấp cơ hội tư vấn và sự tham gia của cộng đồng DTTS, tổ chức DTTS và các tổ chức dân sự khác trong các hoạt động của dự án trong quá trình thực hiện dự án. Khung tham vấn sẽ làm rõ (i) mục tiêu tham vấn, (ii) nội dung tham vấn; (iii) phương pháp tham vấn; và (iv) thông tin phản hồi. Dựa trên khung tham vấn, một kế hoạch tham vấn sẽ được xây dựng và triển khai như sau: (i) Mục tiêu tham vấn và thông tin cơ bản cần có từ họ; (ii) xác định các vấn đề cần thiết cho tham vấn; (iii) lựa chọn các phương pháp tham vấn phù hợp với mục tiêu tham vấn và văn hóa của các nhóm DTTS; (iv) chọn địa điểm và thời gian để tham vấn phù hợp với văn hóa và tập quán của các nhóm DTTS; (v) ngân sách để thực hiện; (vi) thực hiện tư vấn; và (vii) sử dụng kết quả tham vấn và trả lời.

Một số phương pháp tham vấn phổ biến và hiệu quả là (i) họp cộng đồng hoặc thảo luận nhóm (ii) phỏng vấn với các nhà cung cấp thông tin quan trọng hoặc phỏng vấn sâu; (iii) sử dụng bảng câu hỏi có cấu trúc; (iv) Triển lãm và trình diễn di động. Các phương pháp và ngôn ngữ được chọn sẽ phù hợp với văn

hóa và thực tiễn của cộng đồng DTTS. Ngoài ra, thời gian thích hợp sẽ được phân bổ để có được sự hỗ trợ rộng rãi từ những người liên quan.

Các thông tin liên quan đến dự án có liên quan, đầy đủ và có sẵn (bao gồm các tác động tiêu cực và tiềm năng) cần được cung cấp cho người DTTS theo những cách phù hợp nhất về mặt văn hóa trong quá trình thực hiện dự án.

IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG

Dựa trên kết quả tham vấn và đánh giá, một kế hoạch hành động bao gồm các hoạt động sau đây được đề xuất để đảm bảo rằng người DTTS nhận được lợi ích kinh tế xã hội tối đa của dự án theo cách phù hợp với văn hóa, bao gồm đào tạo để nâng cao năng lực của các cơ quan thực hiện dự án.

- Hoạt động 1: Thiết lập nhóm tư vấn cộng đồng cấp tỉnh, nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện

Ban chỉ đạo Dự án VILG các tỉnh ban hành Quyết định thành lập Nhóm tư vấn cộng đồng cấp tỉnh và Nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện nhằm tổ chức các cuộc hội thảo thường kỳ để tiếp nhận thông tin ý kiến phản hồi của người sử dụng đất, đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Thành phần của Nhóm cộng đồng, như sau:

- Nhóm tư vấn cộng đồng cấp tỉnh bao gồm các thành phần sau:
 - + Đại diện Ban quản lý dự án cấp tỉnh - Trưởng nhóm;
 - + Đại diện các sở, ngành liên quan gồm: Nông nghiệp và PTNT, Ban Dân tộc miền núi, Tài chính, Cục thuế ...;
- Nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện bao gồm các thành phần sau: Đại diện các phòng liên quan của huyện, gồm: Tài nguyên và Môi trường, Dân tộc miền núi, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Chi cục thuế; đại diện lãnh đạo UBND các xã, thị trấn.

Nhiệm vụ chính của nhóm là phổ biến thông tin về dự án và thực hiện các cuộc tham vấn với cộng đồng DTTS về các hoạt động của dự án nhằm thu thập thông tin và ý kiến phản hồi của cộng đồng DTTS về các vấn đề chính sau đây để cung cấp kịp thời cho Ban QLDA và các cơ quan thực hiện dự án cũng như cộng đồng DTTS:

- Nhu cầu về thông tin đất đai của cộng đồng DTTS ở địa phương;
- Các yếu tố văn hóa và phong tục tập quán của cộng đồng DTTS cần được quan tâm trong quá trình thực hiện các hoạt động của dự án;

- Phong tục truyền thống về sử dụng đất đai của cộng đồng DTTS cần được quan tâm xem xét trong quá trình xử lý cũng như cung cấp thông tin về đất đai;

- Những trở ngại trong việc phổ biến thông tin, tham vấn và tham gia của cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện dự án và sử dụng các thành quả của dự án;

- Đề xuất các giải pháp khắc phục các trở ngại nhằm đảm bảo sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với dự án và sử dụng các thành quả của dự án một cách hiệu quả và bền vững;

- Tiếp nhận các khiếu nại và làm việc với các cơ quan liên quan để giải quyết các khiếu nại và phản hồi kết quả giải quyết khiếu nại của người dân một cách kịp thời.

Trong quá trình thực hiện dự án, Ban QLDA và các đơn vị liên quan cần tham vấn thường xuyên với nhóm này.

Các phương pháp tham vấn có thể được sử dụng phù hợp với đặc điểm văn hóa của các DTTS là họp cộng đồng, thảo luận nhóm mục tiêu (nhóm phụ nữ, nhóm dễ bị tổn thương), phỏng vấn sâu những người cung cấp thông tin chủ chốt (già làng, trưởng thôn bản, cán bộ quản lý đất đai, đại diện các nhà cung cấp dịch vụ có liên quan), trình diễn mô hình. Các phương pháp này cần bao gồm các yếu tố về giới và liên thế hệ, tự nguyện, và không có sự can thiệp.

Tham vấn cần được thực hiện hai chiều, tức là cả thông báo và thảo luận cũng như lắng nghe và trả lời thắc mắc. Tất cả các cuộc tham vấn cần được tiến hành một cách thiện chí, tự do, không hăm dọa hay ép buộc, tức là không có sự hiện diện của những người có thể ảnh hưởng đến người trả lời, cung cấp đầy đủ thông tin hiện có cho những người được tham vấn nhận được sự đồng thuận rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với các hoạt động của dự án. Phương pháp tiếp cận toàn diện và đảm bảo bao gồm yếu tố về giới, phù hợp với nhu cầu của các nhóm bị thiệt thòi và dễ bị tổn thương, đảm bảo các ý kiến có liên quan của những người bị ảnh hưởng, các bên liên quan khác được cân nhắc trong quá trình ra quyết định. Đặc biệt, người sử dụng đất là người DTTS sẽ được cung cấp các thông tin có liên quan về dự án càng nhiều càng tốt, một cách phù hợp về văn hóa trong thực hiện dự án, theo dõi và đánh giá để thúc đẩy sự tham gia và hòa nhập. Thông tin có thể bao gồm nhưng không giới hạn về các nội dung như khái niệm dự án, thiết kế, đề xuất, biện pháp bảo vệ, thực hiện, theo dõi và đánh giá.

Tất cả các thông tin có liên quan cần lấy ý kiến cộng đồng DTTS sẽ được cung cấp thông qua hai kênh. Thứ nhất, thông tin sẽ được phổ biến cho các

trường thôn/bản tại cuộc họp hàng tháng của họ với lãnh đạo của Ủy ban nhân dân xã hoặc Nhóm tham vấn để được chuyển tiếp cho người dân trong các cuộc họp thôn một cách phù hợp với văn hóa và ngôn ngữ của các nhóm DTTS. Thứ hai, thông báo bằng tiếng Việt và bằng ngôn ngữ của người DTTS (nếu cần) sẽ được công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất một tuần trước cuộc tham vấn. Việc thông báo sớm như vậy đảm bảo người dân có đủ thời gian để hiểu, đánh giá và phân tích thông tin về các hoạt động được đề xuất.

Ngoài ra, các hoạt động của dự án cần thu hút sự tham gia tích cực và sự hướng dẫn (chính thức và không chính thức) của các cán bộ địa phương như trường thôn, các thành viên của các nhóm hòa giải ở cấp thôn, bản, ấp... Ban giám sát cộng đồng ở cấp xã cần giám sát chặt chẽ việc tham gia của các tổ chức địa phương và cán bộ trong các hoạt động khác nhau của dự án VILG. Thông tin đầu vào được sử dụng để theo dõi và đánh giá có thể bao gồm khả năng truy cập của người DTTS vào hệ thống thông tin đất đai được thiết lập trong khuôn khổ dự án, lợi ích từ các thông tin nhận được... Bằng cách cho phép sự tham gia của các bên liên quan thuộc nhóm DTTS trong quá trình lập kế hoạch dự án, thực hiện, giám sát và đánh giá, dự án có thể đảm bảo rằng người dân tộc thiểu số nhận được các lợi ích xã hội và kinh tế từ dự án một cách phù hợp với văn hóa của họ. Với sự tham gia của cộng đồng DTTS, các thông tin đất đai do dự án VILG thiết lập sẽ góp phần tăng thêm sự minh bạch và hiệu quả, đạt được các mục tiêu của dự án đối với các nhóm DTTS. Cần xây dựng năng lực cho các bên liên quan, đặc biệt là Nhóm tham vấn để tránh những hạn chế đang tồn tại trong việc thực hiện tham vấn cộng đồng địa phương, chẳng hạn như tham vấn một chiều, không cung cấp đủ thông tin; vội vàng; và có sự ép buộc.

- Hoạt động 2: Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại

*** Chiến lược truyền thông:**

Một chiến lược truyền thông thích hợp cần được thiết lập và thực hiện để thúc đẩy nhu cầu sử dụng thông tin đất đai của người dân nói chung và người DTTS cũng như nhóm dễ bị tổn thương nói riêng, đồng thời thể hiện sự cam kết mạnh mẽ hơn từ các chính quyền địa phương trong việc giải quyết những hạn chế về cung cấp các dịch vụ thông tin đất đai một cách đầy đủ. Chiến lược truyền thông và Sổ tay thực hiện của dự án VILG cần xem xét nội dung, các yêu cầu của người dân đã được phản ánh trong các cuộc tham vấn cộng đồng địa phương để tránh bỏ qua nhóm dễ bị tổn thương và lợi ích của họ trong dự án. Chiến lược truyền thông cần tạo ra một môi trường đối thoại hai chiều, nghĩa là nó không chỉ là kênh thông tin của dự án đến với cộng đồng, mà còn lắng nghe, phản hồi và đáp ứng các mối quan tâm của cộng đồng. Vì vậy, điều quan trọng là phải thiết kế và thực hiện một chiến lược truyền thông toàn diện để hỗ trợ dự án. Dự thảo chiến lược truyền thông nên tập trung vào các vấn đề sau đây:

- Với bên cung cấp dịch vụ:

- ✓ Cách thức có được và nâng cao sự cam kết của chính quyền và những cán bộ thực hiện tại trung ương cũng như địa phương đối với việc cải cách hệ thống thông tin đất đai hiện nay. Đây là một quá trình vận động xã hội để xây dựng lòng tin của những người sử dụng đất. Kết quả của quá trình này, các cơ quan quản lý đất đai cần tạo ra một môi trường thuận lợi với sự hỗ của VILG; đảm bảo sự tham gia thường xuyên của người sử dụng đất thông qua việc đưa ra các câu hỏi và mối quan tâm của họ về quyền lợi của mình về sử dụng đất cũng như tiếp cận với các thông tin đất đai; cung cấp các thông tin đất đai đáng tin cậy tại địa phương. Ngoài ra, các cán bộ địa phương cần nâng cao kỹ năng giao tiếp; biết cách tạo thuận lợi và tạo diễn đàn cho sự tham gia của cộng đồng trong việc phản hồi trong quá trình thực hiện dự án VILG.
- ✓ Cách thức xây dựng nền tảng cho sự tham gia của cộng đồng trong việc thảo luận và đối thoại với các cán bộ quản lý đất đai về các vấn đề khác nhau, bao gồm cả mối quan tâm và yêu cầu hiểu biết về quyền sử dụng đất của họ, cũng như kết quả về thông tin đất đai mà người dân có được từ hệ thống thông tin của dự án;
- ✓ Cách thức xây dựng nền tảng truyền thông ở các cấp độ khác nhau (ví dụ phiếu báo cáo của người dân, các cuộc họp thôn ...) để nhận được các thông tin phản hồi về hoạt động của bên cung cấp và khả năng của các bên này để đối phó với sự gia tăng nhu cầu đối với dịch vụ thông tin đất đai, đây cũng là một kết quả của dự án VILG. Các thủ tục về cơ chế phản hồi này cần phải rõ ràng và minh bạch, đặc biệt là đối với nhóm dễ bị tổn thương. Ví dụ như các việc liên quan đến các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi và những bên liên quan phải chịu trách nhiệm giải quyết các ý kiến phản hồi và khoảng thời gian xử lý. Hướng dẫn kịp thời và đáp ứng những quan tâm và kiến nghị người sử dụng đất phải được cung cấp thông qua các nền tảng chiến lược truyền thông và quá trình theo dõi.

- Với bên cầu:

- ✓ Làm thế nào để nâng cao nhu cầu và sau đó duy trì cách thức sử dụng dịch vụ thông tin đất đai, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương.
- ✓ Làm thế nào để tạo ra sự thay đổi trong hành vi giao tiếp, đặc biệt là giữa các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau trong địa bàn dự án. Chiến lược truyền thông và tài liệu nên được thiết kế có tính đến sự

khác biệt văn hoá trong hành vi giữa các nhóm người dân tộc khác nhau và thay đổi phù hợp với các hành vi này.

- ✓ Làm thế nào để điều chỉnh các hoạt động và các buổi tuyên truyền tại địa phương về thông tin đất đai trong chiến dịch truyền thông để giải quyết các nhu cầu cụ thể của các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau về ngôn ngữ và văn hoá có liên quan. Chiến lược nên bao gồm sự khác nhau về phổ biến thông tin giữa các nhóm dân tộc khác nhau và tận dụng cấu trúc, cơ chế truyền thông đáng tin cậy và các tổ chức chính thức và không chính thức của người dân tộc thiểu số thuộc khu vực dự án để phổ biến, cho phép hỗ trợ và tư vấn cho những người dân tộc thiểu số về sử dụng đất, bằng ngôn ngữ của họ và theo cách phù hợp với văn hoá của họ. Các cán bộ địa phương sẽ được khuyến khích tích cực hỗ trợ nhóm khó tiếp cận.
- ✓ Có cơ chế giải quyết các vướng mắc, rào cản và những khó khăn gây ra bởi tập quán và tín ngưỡng văn hoá của người DTTS và trả lời những thắc mắc của các bên liên quan.

- Truyền thông tiếp cận cộng đồng:

Các tài liệu truyền thông phù hợp để phổ biến: Xây dựng và phổ biến một bộ trọn gói các tài liệu in ấn và nghe nhìn (tập tài liệu, tờ rơi, áp phích, phim tài liệu ngắn, chương trình đào tạo, quảng cáo trên tivi, radio... với các biểu tượng có liên quan, các thông điệp và các khẩu hiệu) cho các nhóm mục tiêu của chiến lược truyền thông, điều này là cần thiết để đảm bảo các thông điệp và kiến thức chính sẽ được chuyển giao cho các bên liên quan của dự án VILG, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương. Công việc này sẽ góp phần nâng cao nhận thức cho người sử dụng đất, thay đổi thái độ và hành vi của họ trong việc tìm kiếm thông tin đất đai và về lâu dài góp phần thay đổi và duy trì các hành vi được khuyến khích theo dự án. Các thiết kế của tài liệu nên phù hợp (về mặt xã hội và văn hoá đều được chấp nhận) cho các nhóm đối tượng dựa trên tiêu chuẩn về xây dựng tài liệu truyền thông (rõ ràng, súc tích, trình bày đẹp và đầy đủ các nội dung...). Tài liệu cần phải được xây dựng một cách cẩn thận để phổ biến thông tin một cách hiệu quả cho các gia đình trí thức, các gia đình lao động và gia đình dân tộc mà tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai, do đó cần sử dụng ngôn ngữ phi kỹ thuật cộng với các hình vẽ minh họa ở những chỗ có thể là rất quan trọng. Những tài liệu này nên được thử nghiệm với một số cộng đồng được lựa chọn tại một số tỉnh của dự án để đánh giá tính toàn diện và hiệu quả nhất có thể. Cuối cùng nhưng cũng không kém quan trọng là phải tiến hành định hướng, đào tạo cho các bên liên quan như đã được xác định trong chiến lược truyền thông về cách sử dụng các tài liệu truyền thông một cách hiệu quả.

Chiến dịch truyền thông: Các chiến dịch truyền thông đại chúng cũng có thể thích hợp để phổ biến thông tin một chiều. Trọng tâm của chiến dịch nên chủ yếu tập trung vào thông tin ở các khu vực cụ thể, mà có thể được phát sóng trên đài truyền hình và đài phát thanh địa phương. Việc sử dụng các loa phóng thanh xã có thể là một phương tiện hiệu quả để truyền đạt được đến một số lượng lớn người dân với một chi phí tương đối thấp, nhưng cũng phải nhận thấy rằng thông tin truyền thông qua các phương tiện này không phải lúc nào cũng lưu lại và không thể được sử dụng trong các khu vực nơi người dân sống một cách rải rác. Một cách thích hợp, sử dụng một số các đoạn hát, tiểu phẩm hay các khẩu hiệu dễ nhớ có thể giải quyết được vấn đề này ở một mức độ nào đó. Cung cấp thông tin công khai về bản đồ, quy hoạch và thủ tục (theo cách thức dễ tiếp cận) ở cả cấp huyện và cấp xã cũng có thể hữu ích. Trước khi triển khai MPLIS, các chiến dịch truyền thông cần được triển khai với nội dung về lợi ích cơ bản và kiến thức về việc làm thế nào để truy cập và sử dụng thông tin đất đai của MPLIS và các loại lệ phí liên quan (nếu có). Những chiến dịch này nên được thực hiện thông qua các cuộc họp, phương tiện truyền thông đại chúng và phổ biến tài liệu IEC được in ấn hoặc tài liệu nghe nhìn, tùy thuộc vào bối cảnh xã hội của địa phương cụ thể.

Sự tham gia của các đầu mối thông tin địa phương: Chính quyền địa phương được khuyến khích tham gia và phát huy vai trò của cán bộ thôn, đặc biệt là những người từ các tổ chức đoàn thể cộng đồng, công đoàn. Đầu mối thông tin liên lạc nên là trưởng thôn/bản, vì nhiều nghiên cứu đã cho thấy vai trò của họ rất quan trọng và hiệu quả trong thực hiện truyền thông. Các cá nhân và tổ chức này chủ yếu là người dân tộc thiểu số đang sinh sống trong khu vực; do vậy, họ sẽ rất tích cực trong việc tuyên truyền, phổ biến chính sách, chương trình đến người dân địa phương có liên quan. Mỗi địa phương sẽ quyết định về các đầu mối thông tin liên quan và hiệu quả nhất phù hợp với bối cảnh hiện tại của địa phương mình.

Tư vấn: Đánh giá chỉ ra rằng nhiều người trả lời không biết về pháp luật đất đai và làm thế nào áp dụng được nó trong thực tế (giải thích pháp luật). Vì vậy, có thể cần thiết phải có tư vấn hỗ trợ song song với MPLIS trong một số cộng đồng.

Thường xuyên tổ chức các cuộc họp địa phương: Các cuộc họp tại phường, xã thường xuyên bao gồm cả các phiên chất vấn và trả lời định kỳ có thể là một trong những cách làm hiệu quả nhất để hỗ trợ các cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động dự án, nhận và phản hồi ý kiến của họ. Tại các khu vực đô thị, điều này cũng sẽ cung cấp cho người dân có cơ hội để tham gia chặt chẽ hơn với các cán bộ quản lý đất đai của địa phương so với hiện tại. Tuy nhiên, thông tin cho người nghèo cần được cung cấp thông qua việc đến thăm nhà của họ hoặc một cuộc họp với người nghèo vì họ thường không tham dự các cuộc họp phổ biến.

Công cụ hiện đại: Ban quản lý dự án tỉnh sẽ biên soạn nội dung truyền thông và sử dụng công cụ truyền thông nghe nhìn dễ hiểu như đĩa DVD với phần tiếng Việt và một số nội dung dự án VILG dịch sang tiếng các DTTS (nếu phù hợp) sẽ được chuẩn bị để sử dụng trong quá trình hoạt động tại địa phương dựa trên các đề xuất của nhóm tham gia cộng đồng cấp huyện. Cách tiếp cận và sử dụng MPLIS và các dịch vụ của văn phòng đăng ký đất là một số nội dung được giới thiệu trong công cụ truyền thông này. Công cụ truyền thông này sẽ được lưu giữ tại các trung tâm văn hóa và UBND xã để có thể dùng diễn giải về Dự án VILG và việc quản lý/tiếp cận thông tin đất đai.

Thiết bị hiện đại: Ban quản lý dự án tỉnh có thể xem xét trang bị máy tính tại xã, áp để người DTTS có thể truy cập thông tin dễ dàng, thuận tiện (cần có đào tạo và hướng dẫn). Ban quản lý dự án tỉnh tăng cường tiếp cận và chia sẻ thông tin đất đai cho người DTTS.

- Hoạt động 3: Đào tạo cho các trưởng thôn, bản, ấp, già làng, người có uy tín trong cộng đồng

Nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng thuyết trình để tuyên truyền, vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng điều hành, xử lý các công việc phát sinh trong cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của các Trưởng thôn, bản, ấp ... vận động các hộ đồng bào DTTS tích cực tham gia, hưởng ứng thực hiện hiệu quả mục tiêu của dự án, Ban QLDA cấp tỉnh phối hợp với Ban QLDA cấp TW tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đối tượng là Trưởng thôn, bản, ấp, già làng, người có uy tín, ... để họ có thể hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện Dự án. Các khóa đào tạo, tập huấn cần được thực hiện càng sớm càng tốt và trong suốt quá trình dự án.

- Hoạt động 4: Tổ chức họp dân ở các thôn, bản, ấp... và các xã.

Tại các ấp, xã có đồng đồng bào DTTS, Ban quản lý dự án tỉnh, Nhóm tham vấn cộng đồng cấp huyện sẽ tổ chức nhiều cuộc họp ở từng xã, ấp với người DTTS tại địa phương để trả lời các câu hỏi và mối quan tâm của họ, có phiên dịch sang tiếng dân tộc (nếu cần). Các hoạt động này sẽ được bắt đầu trước khi triển khai dự án và sẽ được duy trì trong suốt chu trình dự án.

Trong các cuộc họp với người DTTS này, các kênh và cách truy cập các thông tin, tài liệu về đất đai, các chính sách ưu đãi các chính sách phản hồi thông tin cũng sẽ được giới thiệu.

Ban quản lý dự án tỉnh kết hợp với cơ quan truyền thông đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, báo địa phương) tuyên truyền, phổ biến các thông tin này trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và các địa phương.

Tài liệu để phục vụ cho các cuộc họp dân, tham vấn lấy ý kiến ở cấp xã do Văn phòng Ban quản lý dự án tỉnh cung cấp trên cơ sở sử dụng các mẫu, các văn bản pháp luật hoặc những tài liệu tuyên truyền do Ban quản lý dự án cấp Trung

ương biên soạn. Tất cả các tài liệu thông tin được thực hiện một cách đơn giản, thông điệp và hình ảnh rõ ràng. Trong điều kiện kinh phí dự án cho phép, một số nội dung quan trọng sẽ được biên dịch sang ngôn ngữ dân tộc thiểu số (nếu cần) để phổ biến trong cộng đồng người dân tộc tại địa phương.

- Hoạt động 5: Đào tạo cán bộ quản lý đất đai

Nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm và kỹ năng của các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đất đai tại các địa phương (Văn phòng đăng ký đất đai), đảm bảo việc giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai khi đồng bào DTTS có nhu cầu cần thực hiện.

Tổ chức Hội thảo định hướng cho các cán bộ quản lý đất đai trong việc tiếp cận với người dân tộc thiểu số. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến: (1) nhu cầu đặc biệt của cộng đồng DTTS, và (2) tầm quan trọng về vai trò, trách nhiệm của các cán bộ thực thi công vụ trong chiến lược, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực DTTS. Nâng cao chất lượng phục vụ của các cán bộ làm công tác trong việc cung cấp dịch vụ thông tin về đất và thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai.

- Hoạt động 6: Thiết lập dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất đai ở các cộng đồng nơi có các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống

Các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sẽ thực hiện dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất đai cho các nhóm dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, xa thông qua hình thức cử cán bộ làm việc định kỳ trực tiếp tại UBND xã những nơi này, đồng thời tập huấn cán bộ cấp xã thực hiện việc tra cứu, hỗ trợ tiếp nhận và sử dụng hệ thống thông tin đất đai qua mạng Internet để cung cấp thông tin đất đai cho các nhóm dân tộc thiểu số và xác nhận các hợp đồng giao dịch về đất đai.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sẽ tham vấn với chính quyền xã, ấp và nhóm tham gia cộng đồng cấp xã để xây dựng kế hoạch, lịch làm việc trực tiếp định kỳ phù hợp với điều kiện của đồng bào dân tộc tại địa phương. Chính quyền xã, thôn sẽ thông báo rộng rãi các kế hoạch và lịch làm việc này để mọi người dân được biết và sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

Dự án sẽ thúc đẩy hoạt động của các tổ chức đoàn thể địa phương, chẳng hạn như Hội thanh niên và các đoàn thể phụ nữ và các tổ chức xã hội dân sự. Các tổ chức này có thể tăng thêm nỗ lực về thông tin minh bạch trong cộng đồng DTTS thông qua việc áp dụng quy trình lập kế hoạch có nhiều sự tham gia và phát triển năng lực. Đặc biệt, cần khuyến khích tuyển dụng các cán bộ hỗ trợ địa phương từ các tổ chức đoàn thể địa phương, đặc biệt là Hội phụ nữ.

Các thủ tục mà người dân cần thực hiện để cấp Giấy chứng nhận sẽ được thiết lập tại các xã, đồng thời các thủ tục khác liên quan đến đất đai cũng được

thực hiện tại xã. Công chức địa chính cấp xã sẽ hỗ trợ cho bà con để không gây phiền hà. Các mẫu thông tin liên quan đến cấp giấy chứng nhận sẽ được công bố tại các UBND xã, thôn (nhà văn hóa hay nơi dân bản thường tập trung, lui tới).

- Hoạt động 7: Cung cấp thông tin về cơ chế giải quyết tranh chấp

Cán bộ địa chính địa phương sẽ được lưu ý tại các khóa đào tạo của Dự án rằng bất cứ vấn đề về đất đai nào liên quan đến cộng đồng người dân tộc thiểu số phải được báo cáo cho Ban quản lý dự án tỉnh bất kể phương án hòa giải tại địa phương có thành công hay không.

Cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp và tiếp nhận, theo dõi tiến độ giải quyết được thực hiện đúng hướng dẫn tại Sổ tay hướng dẫn dự án và hướng dẫn của Ban quản lý dự án cấp trung ương.

Để hỗ trợ cho cơ chế này, Ban quản lý dự án VILG tỉnh sẽ thực hiện chỉ định cán bộ trực tiếp tiếp nhận và theo dõi, đôn đốc các đơn vị có liên quan giải quyết và thông báo kết quả giải quyết, khắc phục.

Để giảm thiểu các tranh chấp, khiếu nại phát sinh phải sử dụng tới hệ thống giải quyết chính thức của Nhà nước, dự án sẽ xây dựng một kênh tiếp nhận thông tin khiếu nại, tranh chấp đất đai thứ hai sau kênh tiếp nhận thông tin khiếu nại, tranh chấp đất đai chính thức, khuyến khích các nhóm dân tộc giải quyết các vấn đề thông qua các thiết chế phi chính thức nhưng hiệu quả tại cộng đồng, như mạng lưới trường thôn, ấp, bản... Cụ thể, mỗi xã, thôn sẽ thành lập tổ hòa giải để giúp UBND xã hoà giải các tranh chấp khi xảy ra. Sẽ huy động sự tham gia của sự cả vào các tổ, ban hòa giải nhằm tăng cường hiệu quả trong giải quyết triệt để tranh chấp. Việc chỉ định một cán bộ theo dõi hoạt động giải quyết tranh chấp, khiếu nại tại cấp xã, huyện và tỉnh cũng như tập huấn nâng cao kỹ năng giải quyết tranh chấp của các cán bộ địa chính và tổ hòa giải ở thôn sẽ là những hoạt động được duy trì trong suốt quá trình thực hiện dự án.

- Hoạt động 8: Công tác theo dõi, đánh giá

Hệ thống giám sát Dự án được thiết kế để khảo sát mức độ chấp nhận, mức độ hài lòng của cộng đồng đối với các dịch vụ quản lý đất đai ở các huyện tham gia dự án, kể cả đối với người Kinh và không phải người Kinh.

Giám sát nội bộ của Ban VILG cấp TW và Đoàn giám sát của Ngân hàng thế giới sẽ được thực hiện tại các huyện có nhiều dân tộc thiểu số với mức độ cao hơn tại các huyện khác. Tương tự, việc giám sát tại các xã có cộng đồng người dân tộc thiểu số cũng sẽ được thực hiện riêng với mức độ cao hơn tại các xã khác. Vào năm thứ tư, Dự án sẽ tiến hành một đánh giá tác động liên quan đến các rủi ro đã xác định ở trên đối với quá trình triển khai Dự án tại các địa phương có nhiều dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, Ban VILG cấp tỉnh phối hợp với UBND các huyện để tổ chức các Hội thảo để đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

– Ban Quản lý dự án Trung ương có trách nhiệm tập huấn, hướng dẫn tổ chức triển khai và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển dân tộc tại địa phương theo Khung phát triển dân tộc của toàn dự án và theo Sổ tay hướng dẫn của dự án.

– Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phê duyệt Kế hoạch phát triển DTTS của tỉnh, chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch và cấp đủ kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

– Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Dự án VILG tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số theo hướng dẫn được nêu trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án.

– Ban Quản lý Dự án VILG tỉnh phân công một cán bộ chịu trách nhiệm làm đầu mối về các vấn đề xã hội. Cán bộ này có nhiệm vụ đôn đốc Nhóm thực hiện Dự án cấp huyện thực hiện đầy đủ các hoạt động trong khuôn khổ Kế hoạch này và giám sát nội bộ, lập báo cáo giám sát nội bộ 6 tháng 1 lần để trình NHTG xem xét.

– Đại diện Ban Dân tộc tỉnh/huyện, Nhóm tham vấn cộng đồng cấp huyện, công chức địa chính phường, xã có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh tổ chức các cuộc họp dân lấy ý kiến cộng đồng; đánh giá, tham vấn những vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án và các vấn đề về người dân tộc thiểu số; giám sát mức độ chấp nhận, mức độ hài lòng của cộng đồng đối với các dịch vụ quản lý/tiếp cận thông tin đất đai ở các huyện tham gia dự án, kể cả đối với các nhóm dân trên địa bàn, gồm cả nhóm dân tộc đa số và thiểu số.

– Cộng đồng, đồng bào dân tộc thiểu số có trách nhiệm phản ánh về tình hình triển khai dự án tại cộng đồng, những hoạt động của dự án có tác động và ảnh hưởng không tích cực đến quyền và lợi ích của cộng đồng.

– Các báo cáo định kỳ của Ban quản lý dự án VILG tỉnh (6 tháng) sẽ bao gồm báo cáo về tình hình triển khai Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số tại tỉnh, trong đó nêu rõ các hoạt động đã được triển khai liên quan đến kế hoạch này tại các địa bàn của dự án; các ý kiến phản hồi của người dân tộc thiểu số liên quan đến các hoạt động của dự án tại tỉnh và kế hoạch triển khai các hoạt động tiếp theo, báo cáo về Ban quản lý dự án VILG cấp Trung ương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các thành viên phản ánh kịp thời về Ban quản lý, Ban chỉ đạo dự án VILG tỉnh để có biện pháp giải quyết kịp thời.

VI. PHỔ BIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ

6.1. Công khai Kế hoạch DTTS

Ban QLDA tỉnh đã phổ biến Khung chính sách phát triển DTTS của dự án trong các buổi tập huấn kỹ thuật, tham vấn với cộng đồng DTTS và đăng tải trên trang web của địa phương.

Dự thảo Kế hoạch PTDTTS (DTTSDP) đã được tham vấn với chính quyền địa phương và cộng đồng DTTS trước khi trình WB phê duyệt. Kế hoạch PTDTTS được phê duyệt sẽ được công bố cho cộng đồng dân tộc thiểu số vùng dự án theo ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu thông qua các cuộc họp thôn/bản và lưu giữ ở UBND xã, nhà văn hóa cộng đồng đảm bảo những người dân tộc thiểu số vùng dự án, bao gồm hộ bị ảnh hưởng, hộ hưởng lợi và cộng đồng của họ có thể tiếp cận một cách thuận lợi và có thể hiểu hết được Kế hoạch đó. Kế hoạch PTDTTS được duyệt cũng sẽ được công bố trên trang web của NHTG.

Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có các hoạt động phát sinh dẫn đến phát sinh các tác động, kế hoạch phát triển DTTS sẽ được cập nhật. Bản cập nhật sẽ được gửi WB xem xét và được công bố tới cộng đồng DTTS vùng dự án.

6.2. Đảm bảo sự tham gia Kế hoạch DTTS

Nhằm đảm bảo việc tham gia của người dân tộc thiểu số trong suốt quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án, việc tham vấn cần được tiến hành một cách tự do, cung cấp đầy đủ thông tin trước khi thực hiện các hoạt động. BQLDA tỉnh đã tiến hành các cuộc họp tham vấn với cộng đồng dân tộc thiểu số, bao gồm hộ hưởng lợi và hộ bị ảnh hưởng để đánh giá nhu cầu của cộng đồng về sử dụng các dịch vụ cung cấp thông tin đất đai, đảm bảo rằng những phản ánh từ phía cộng đồng DTTS địa phương sẽ được ghi nhận và xem xét trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án.

Trong quá trình chuẩn bị DTTSDP, các cuộc tham vấn cộng đồng thông qua họp dân, phỏng vấn các cá nhân và thảo luận nhóm đã được thực hiện. Người dân ở các thôn vùng dự án, bao gồm cả hộ bị ảnh hưởng đều tham gia thảo luận và chia sẻ thông tin. Phụ nữ, người dễ bị tổn thương và thanh niên được mời tham gia và khuyến khích đóng góp ý kiến. Các nhóm dân tộc thiểu số ở các xã vùng dự án đều được tham vấn. Các tổ chức đại diện của họ như Hội Phụ nữ, Hợp tác xã, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên cấp xã và cấp thôn cũng được tham vấn.

Các cuộc tham vấn cộng đồng DTTS được thực hiện cho tất cả các xã vùng dự án có DTTS, đã đề cập các nội dung sau: a) những tác động tích cực và tiêu cực của dự án đối với hộ gia đình và cộng đồng, b) trên cơ sở các tác động tiêu cực, thảo luận với cộng đồng các biện pháp tránh hoặc giảm thiểu, và c) cơ hội kinh tế - xã hội mà dự án sẽ đem lại cho các hộ/cộng đồng DTTS.

Các cuộc họp tham vấn cũng đã được tổ chức với sự tham dự của đầy đủ các bên liên quan đến dự án bao gồm Ban Dân tộc tỉnh, đại diện các phòng ban của huyện, bao gồm phòng dân tộc, Phòng đăng ký đất đai, hội phụ nữ, đại diện đoàn thể các xã vùng dự án có DTTS để tìm hiểu, trao đổi với Ban Dân tộc tỉnh, phòng dân tộc các huyện của dự án một số chính sách đã ban hành cho người DTTS và các chương trình đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh, huyện xã vùng dự án liên quan đến sử dụng đất.

Cơ chế tham vấn và tham gia của người DTTS trong quá trình thực hiện dự án: tham vấn trước, tự do không ép buộc và cung cấp đầy đủ thông tin dẫn đến sự đồng thuận rộng rãi của cộng đồng DTTS đối với các hoạt động của dự án cần được thực hiện suốt quá trình thực hiện dự án và được ghi lại bằng biên bản. Các ý kiến phản hồi của cộng đồng cần được xem xét đưa vào dự án. Các phương pháp tham vấn và tham gia có thể sử dụng như thảo luận nhóm, phỏng vấn người chủ chốt, người có uy tín trong cộng đồng, trình diễn mô hình. Phương pháp tham vấn và sự tham gia của cộng đồng DTTS cần đảm bảo phù hợp với văn hóa của họ và đảm bảo các yếu tố về giới, liên thế hệ và bao gồm cả nhóm dễ bị tổn thương.

VII. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Cơ chế giải quyết khiếu nại được thiết lập cho Dự án này là cơ chế hai cấp: cấp cộng đồng và cấp chính quyền. Tại mỗi xã dự án, một Ban hòa giải sẽ được thành lập để tiếp nhận và giải quyết những thắc mắc hay tranh chấp của người dân bằng biện pháp hòa giải theo thể thức truyền thống. Nếu các khiếu nại không thể giải quyết ở cấp cộng đồng thì sẽ được gửi lên cấp chính quyền thông qua bộ phận một cửa ở cấp xã, huyện và tỉnh và cuối cùng là cấp tòa án.

Cán bộ xã hội của Ban QLDA tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận khiếu nại của người dân (nếu có) và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết và theo dõi quá trình giải quyết cho đến khi kết thúc. Kết quả giải quyết cần được thông báo kịp thời bằng văn bản đến người có khiếu nại. Khiếu nại và kết quả giải quyết khiếu nại cần được báo cáo cụ thể trong các báo cáo về thực hiện cho Ban QLDA Trung Ương và cho Ngân Hàng Thế giới.

VIII. KINH PHÍ DỰ KIẾN

Chi phí ước tính để thực hiện Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số này bao gồm các chi phí cho những hoạt động liên quan đến dân tộc thiểu số. Kinh phí này được tính vào nguồn kinh phí thực hiện dự án.

Ngân sách để thực hiện Kế hoạch này sẽ được lấy từ nguồn ngân sách đối ứng của địa phương.

Tổng kinh phí dự kiến là **20.000 USD**, tương đương **463.000.000đồng**.
(*Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng*); *Giá quy đổi 1USD = 23.150 đồng* tại thời điểm trình UBND tỉnh phê duyệt).

Quá trình triển khai thực hiện sẽ theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cụ thể.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)
Tổng cộng					20,000
Hoạt động 1	<i>Nhóm tham vấn cộng đồng và tổ chức hội thảo 2 lần một năm</i>				1.950
-	Thù lao cho Nhóm tham vấn cộng đồng (Cán bộ cơ quan tài nguyên môi trường, cơ quan quản lý công tác dân tộc địa phương, cơ quan văn hóa địa phương, đại diện cộng đồng dân tộc thiểu số,....)				<i>Làm việc và hưởng lương theo chế độ kiêm nhiệm</i>
-	Chi khác (đi lại, in ấn, ...)				1.950
Hoạt động 2	<i>Sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại và hiệu quả</i>				<i>Lồng ghép vào tiểu HP 1.3 HP1</i>
-	Xây dựng nội dung truyền thông (dưới hình thức nghe nhìn DVD)				
-	Phát sóng trên kênh truyền hình tỉnh (ước tính)				
Hoạt động 3	<i>Đào tạo cho trưởng thôn, xóm, bản Tổ chức 04 hội nghị để đào tạo cho các trưởng thôn, xóm</i>	<i>Hội nghị</i>	4	1.000	4.000
Hoạt động 4	<i>Tổ chức họp dân ở các thôn và xã</i>	<i>Cuộc họp</i>	34	3.250	11.050
Hoạt động 5	<i>Đào tạo cán bộ quản lý đất đai (Tổ chức hội thảo định hướng cho các cán bộ quản lý đất đai trong việc tiếp cận với người dân tộc) (2 Hội nghị/tỉnh)</i>				<i>Lồng ghép vào các chương trình đào tạo của dự án và các chương trình khác của TW và địa phương</i>

Hoạt động 6	<i>Thiết lập dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất ở các cộng đồng nơi có các nhóm dân tộc thiểu số sinh sống.</i>				
-	Kinh phí hỗ trợ cho VPĐKĐĐ tổ chức thực hiện dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin đất đai và đăng ký đất cho các nhóm dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, vùng xa (20 xã * 2 năm/lần)				<i>Kinh phí từ nguồn chi hoạt động thường xuyên của VPĐK</i>
-	Văn phòng đăng ký đất đai tập huấn cán bộ cấp xã hỗ trợ tiếp cận và sử dụng hệ thống thông tin đất đai qua mạng Internet				
Hoạt động 7	<i>Ban hòa giải cộng đồng</i>				3.000
-	Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng giải quyết tranh chấp của các cán bộ địa chính và tổ hòa giải ở thôn, ấp	Hội Nghị	3	1,000	3,000
Hoạt động 8	<i>Công tác theo dõi, đánh giá</i>				
-	Theo dõi, đánh giá liên quan đến các hoạt động của dự án tại các địa bàn trong tỉnh theo nhóm dân tộc, trình trạng nghèo/cận nghèo/không nghèo và giới tính.				<i>Lồng ghép vào tiêu HP3</i>

IX. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện chung và giám sát nội bộ kế hoạch phát triển DTTS. Báo cáo giám sát sẽ được trình lên Ngân hàng Thế giới để xem xét và có ý kiến. Hoạt động giám sát, đánh giá cần phải được tiến hành một năm hai lần trong quá trình thực hiện dự án để xác định đúng lúc các vấn đề mà có thể cần có hành động ngay từ phía Ban quản lý dự án VILG cấp tỉnh.

Các hoạt động giám sát, đánh giá gồm:

BẢNG 1: TIÊU CHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Hoạt động giám sát và đánh giá	Các chỉ số cơ bản
--------------------------------	-------------------

1. Tiến độ thực hiện DTTSDP	<ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch phải được chia sẻ đến cộng đồng; • Kế hoạch phải đáp ứng nhu cầu của người DTTS; • Nguồn nhân lực đầy đủ để thực hiện kế hoạch.
2. Thực hiện tham vấn cộng đồng và sự tham gia của người dân địa phương	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng DTTS, chính quyền xã, lãnh đạo thôn, bản, ấp... và các tổ chức quần chúng tại địa phương sẽ được cung cấp đầy đủ thông tin Kế hoạch PT DTTS và cơ chế khiếu nại. • Cộng đồng DTTS, đại diện các thôn, bản, ấp... và các tổ chức đoàn thể địa phương phải được tham gia vào hoạt động giám sát việc thực hiện Kế hoạch PT DTTS.
3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm ẩn	<ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ Dự án phải được thực hiện một cách hiệu quả.
4. Thực hiện các can thiệp phát triển cụ thể đối với cộng đồng DTTS địa phương	<ul style="list-style-type: none"> • Toàn bộ các hoạt động hỗ trợ đào tạo phải được thực hiện một cách hiệu quả.
5. Cơ chế khiếu nại/khiếu kiện	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng DTTS hiểu rõ về cơ chế khiếu nại/khiếu kiện và các tài liệu tổ chức liên quan và loại báo cáo, và các giải pháp đạt được.

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

TT	Họ tên	Địa chỉ/Đơn vị công tác	Nam	Nữ
Huyện Trà Bồng				
I	Thị trấn Trà Xuân		5	3
1	Huỳnh Thị Dung Hòa	Trưởng TDP 1		x
2	Nguyễn Hữu Hoa	Trưởng TDP 2	x	
3	Đoàn Việt Lượng	Trưởng TDP 3	x	
4	Nguyễn Văn Tiên	Trưởng TDP 4	x	
5	Đoàn Mạnh Hùng	Trưởng TDP 5	x	
6	Đoàn Thanh Cuộc	Trưởng TDP 6	x	
7	Trần Thị Hải	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x
8	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Công chức Địa chính - Nông nghiệp		x
II	Xã Trà Sơn		8	2
1	Đình Xuân Nam	thôn Sơn Thành	x	
2	Hồ Thanh Sinh	thôn Sơn Bàn	x	
3	Hồ Thanh Hiền	thôn Đông	x	
4	Hồ Văn Lộc	thôn Bắc	x	
5	Hồ Ngọc Thái	thôn Bắc 2	x	
6	Trịnh Đình Tuyên	thôn Trung	x	
7	Hồ Văn Thái	thôn Tây	x	
8	Hồ Văn Tám	thôn Cà Tinh	x	
9	Hồ Thị Hiền	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x
10	Bùi Thị Kim Phúc	Công chức Địa chính - Nông nghiệp		x
III	Xã Trà Lâm		5	1
1	Hồ Văn Thiện	thôn Trà Lạc	x	
2	Hồ Văn Lộ	thôn Trà Xanh	x	
3	Hồ Văn Thảo	thôn Trà Hoa	x	
4	Hồ Văn Ôn	thôn Trà Khương	x	
5	Hồ Thị Hiệp	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x
6	Lê Hữu Trì	Công chức Địa chính - Nông nghiệp	x	
IV	Xã Trà Thủy		6	2
1	Hồ Văn Anh	Thôn 1	x	
2	Hồ Văn Hùng	Thôn 2	x	
3	Hồ Văn Trinh	Thôn 3	x	
4	Hồ Văn Ngãi	Thôn 4	x	
5	Hồ Văn Bé	Thôn 5	x	
6	Cao Thái Thạch	Thôn 6	x	
7	Hồ Thị Sơn	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x

8	Hồ Thị Cẩm Nghiệp	Công chức Địa chính - Nông nghiệp		x
V	Xã Trà Tân		5	1
1	Trương Văn Lâm	thôn Truurong Biện	x	
2	Trương Công Trà	thôn Truurong Giang	x	
3	Hồ Văn Chén	thôn Trà Ngon	x	
4	Hồ Văn Thành	thôn Trà Ot	x	
5	Đình Thị Ló	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x
6	Lê Đình A	Công chức Địa chính - Nông nghiệp	x	
VI	Xã Trà Phú		2	4
1	Nguyễn Thị Hương	thôn Phú Hòa		x
2	Nguyễn Thị Kim Chi	thôn Phú Long		x
3	Đào Trung Tân	thôn Phú An	x	
4	Trần Ngọc Xuân	thôn Phú Tài	x	
5	Nguyễn Thị Lài	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x
6	Nguyễn Thị Phương Lan	Công chức Địa chính - Nông nghiệp		x
VII	Xã Trà Hiệp		5	1
1	Hồ Văn Miên	thôn Cưa	x	
2	Hồ Văn Đình	thôn Nguyên	x	
3	Hồ Văn Nanh	thôn Băng	x	
4	Hồ Văn Học	thôn Cả	x	
5	Hồ Thị Bé	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x
6	Đình Văn Trí	Công chức Địa chính - Nông nghiệp	x	
VIII	Xã Trà Bùi		5	1
1	Hồ Văn Mười	thôn Niên	x	
2	Hồ Văn Tuấn	thôn Tang	x	
3	Hồ Quang Tạo	thôn Quê	x	
4	Hồ Văn Việt	thôn Nước Nĩa	x	
5	Hồ Văn Định	thôn Tây	x	
6	Hồ Thị Chi	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x
IX	Xã Trà Giang		3	2
1	Hồ Văn Tài	thôn 1	x	
2	Hồ Văn Danh	thôn 2	x	
3	Hồ Văn Mẹo	thôn 3	x	
4	Hồ Thị Hương	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x
5	Đặng Thị Yến	Công chức Địa chính - Nông nghiệp		x
X	Xã Trà Bình		4	2
1	Đình Văn Kim	thôn Bình Đông	x	

2	Nguyễn Văn Hải	thôn Bình Trung	x	
3	Đặng Bích Thanh	thôn Bình Tân	x	
4	Nguyễn Oanh	thôn Bình Thanh	x	
5	Trần Thị Yên	Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã		x
6	Đỗ Thị Thu Hiền	Công chức Địa chính - Nông nghiệp		x
	Tổng cộng		48	19
	HUYỆN BA TƠ		7	6
	Xã Ba Xã			
1	Trần Bá Tuynh		X	
2	Phạm Văn Nho		X	
3	Phạm Thị Năm			X
4	Phạm Thị Lài			X
5	Phạm Thị Y			X
6	Phạm Văn Biên		X	
7	Phạm Văn Tấn		X	
8	Phạm Thị Bốn			X
9	Phạm Văn Vũ		X	
10	Phạm Văn Bảy		X	
11	Phạm Thị Xí			X
12	Phạm Thị Lài			x
13	Phạm Văn Thanh		x	

**PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH THAM DỰ THAM VẤN CÁN BỘ LÀM
CÔNG TÁC QUẢN LÝ/CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ**

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị công tác	Nam	Nữ
1	Đình Thanh Tuấn	Doanh nghiệp	1	
2	Nguyễn Tăng Bê	Doanh nghiệp	1	
3	Nguyễn Thị Hiếu	Doanh nghiệp		1
4	Nguyễn Khiêm	Doanh nghiệp	1	
5	Trương Quang Tý	Doanh nghiệp	1	
6	Lê Thị Như Thảo	Doanh nghiệp		1
7	Nguyễn Đình Linh	Doanh nghiệp	1	
8	Nguyễn Thịnh	Doanh nghiệp	1	
9	Nguyễn Văn Nhân	Phòng TN&MT Minh Long	1	
10	Nguyễn Tấn Hiến	Phòng TN&MT Ba Tơ	1	
11	Nguyễn Tấn Sinh	Phòng TN&MT Trà Bồng	1	
12	Tôn Long Nghênh	Phòng TN&MT Tư Nghĩa	1	
13	Nguyễn Tấn Trung	Phòng TN&MT Nghĩa Hành	1	
14	Tông Đình Lương	VPĐK, CN Ba Tơ	1	
15	Nguyễn Giang	VPĐK, CN Minh Long	1	
16	Nguyễn Công Hoàng	VPĐK, CN Trà Bồng	1	
17	Phan Duy Hạnh	VPĐK, CN Tư Nghĩa	1	
18	Nguyễn Hoàng Phương	VPĐK, CN Nghĩa Hành	1	
Tổng số			16	2